pTOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2022/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 08 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2021/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Thạch M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 71; 72; 81; 107; 116 và Điều 117 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Sơn Thị S với anh Thạch M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị S với anh Thạch M tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Sơn Thị S với anh Thạch M xác định có 02 con chung tên Thạch Thị Mỹ L, sinh ngày 15 ngày 4 tháng 2007 và Thạch Minh T sinh ngày 23 ngày 11 năm 2011, khi ly hôn thống nhất thỏa thuận giao cho chị S

được quyền nuôi dưỡng cháu Mỹ L và cháu Minh T, anh M không cấp dưỡng nuôi con, do chị S không yêu cầu.

Quyền thăm nom con: sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục nuôi dạy con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chị Sơn Thị S với anh Thạch M xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Sơn Thị S với anh Thạch M xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

3.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Sơn Thị S tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007216 ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả cho chị Sất số tiền chênh lệch là 150.000 đồng, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Anh Thạch M không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thảo Ngoan